

Số: 1723 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 18 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trung tâm thương mại Đắk Mil tại tổ dân phố 15, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trung tâm thương mại Đắk Mil tại tổ dân phố 15, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông họp ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trung tâm thương mại Đắk Mil tại tổ dân phố 15, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã được chỉnh sửa bổ sung kèm theo Văn bản số 77/CV-RQ ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 420/TTr-STNMT ngày 16 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trung tâm thương mại Đắk Mil (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại tổ dân phố 15, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu sau:



1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; các nội dung bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu vực Dự án và không ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý môi trường để chất thải được xử lý đảm bảo theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành.

Điều 3. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về quy mô, công suất; thay đổi công nghệ xử lý chất thải có khả năng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án tự xem xét, quyết định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và thể hiện trong hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

* Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (được thành lập theo Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh) chịu trách nhiệm về nội dung tham mưu tại Quyết định này.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện Đắk Mil thường kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này, đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Môi trường;
- UBMTTQ tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở: TN&MT, CT, XD, VH-TTDL, KH&ĐT;
- UBND huyện Đắk Mil;
- Cty. CP XNK Rau Quả;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CTTĐT, KTN(N).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Hải

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI ĐẮK MIL

(Kèm theo Quyết định số **1723** /QĐ-UBND ngày **18** tháng **11** năm **2020**
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Trung tâm thương mại Đắk Mil.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả.
- Người đại diện: Ông Phạm Hồng Hải Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ công ty: 24 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 39330485.
- Địa chỉ nơi thực hiện dự án: Tổ dân phố 15, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (nay là tổ dân phố 2, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông).
- Vị trí địa lý của dự án: Trung tâm thương mại Đắk Mil với tổng diện tích 7.526,5 m² (nằm trong khu đất quy hoạch xây dựng Trung tâm thương mại Đắk Mil) thuộc địa phận tổ dân phố 2 (tên cũ là tổ dân phố 15), thị trấn Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Vị trí tiếp giáp của dự án cụ thể như sau:
 - + Phía Bắc: Giáp đường đất;
 - + Phía Nam: Giáp quốc lộ 14 (đường Nguyễn Tất Thành);
 - + Phía Đông: Giáp đường Kim Đồng;
 - + Phía Tây: Giáp dân cư thị trấn Đắk Mil.

Tọa độ vị trí các điểm mốc giới hạn khu vực dự án (Hệ tọa độ VN2000), cụ thể như sau:

Tên ký hiệu mốc	X (m)	Y (m)
1	1377264,278	404790,560
2	1377270,854	404787,701
3	1377313,670	404775,043
4	1377320,594	404783,139
5	1377379,538	404856,222
6	1377385,078	404869,034
7	1377371,477	404871,322
8	1377333,235	404883,658
9	1377308,584	404893,744

1.2. Phạm vi, quy mô

1.2.1. Phạm vi của Dự án: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở kinh doanh thương mại phục vụ nhu cầu mua sắm, tiêu dùng, vui chơi giải trí của nhân dân trên địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận, gồm:

- Khu vực khách sạn và phụ trợ khách sạn: Kinh doanh dịch vụ ngủ nghỉ, dịch vụ giải trí (bể bơi, GYM + SPA, ballroom), dịch vụ ăn uống (quán cà phê, nhà hàng).

- Khu vực thương mại dịch vụ: Dịch vụ giải khát (cà phê), dịch vụ giải trí (rap chiếu phim), dịch vụ mua sắm (Shopoffice, siêu thị, khu vực kinh doanh cửa hàng bán lẻ (retail): Kinh doanh các mặt hàng thời trang, linh kiện điện tử..).

1.2.2. Quy mô của Dự án:

Diện tích đất sử dụng của dự án là: 7.526,5 m². Quy hoạch sử dụng đất xây dựng các hạng mục công trình của dự án cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Hạng mục công trình chính	4.545,0	60,39	
2	Hạng mục công trình phụ trợ	6.933	-	Bố trí xây dựng các công trình trong tầng hầm tòa nhà Trung tâm thương mại
-	Các công trình xử lý môi trường	323,4	-	
+	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	235,1	-	
+	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại	88,3	-	
-	Các công trình phụ trợ khác	6.609,6	-	
3	Đất cây xanh	860,6	11,43	
4	Đất giao thông, sân bãi nội bộ	2.120,9	28,18	
	Tổng cộng	7.526,5	100	

Các hạng mục, công trình chính của Dự án: Khối toà nhà thương mại cao 9 tầng, 1 tầng hầm và 1 tầng tum; cụ thể:

- Tầng hầm: Với diện tích sàn 6.933 m² - bố trí chỗ đỗ xe, khu rửa xe và đặt các phòng kỹ thuật, phòng điện (phòng hạ áp, phòng điện nhẹ, phòng trung thế, trạm biến áp), phòng bơm dầu, văn phòng, bồn dầu, phòng thay đồ, nhà vệ sinh chung (WC), phòng ăn nhân viên, bếp ăn cho nhân viên, phòng giặt đồ, phòng chứa chất thải, phòng bơm sinh hoạt, bể nước sinh hoạt, bể phòng cháy, chữa cháy, bể nước tái sử dụng cùng với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tầng 1: Diện tích 4.544 m² - bố trí sảnh (1 sảnh lên khối thương mại dịch vụ, 1 sảnh vào khối khách sạn); khu vực thang máy, thang thoát hiểm, các căn Shopoffice, bán hàng, nhà vệ sinh chung, văn phòng, trực phòng cháy, chữa cháy, kho, phòng kỹ thuật điện, kho hành lý.

- Tầng 2: Diện tích 4.136 m² - bố trí khu vực thang máy, thang thoát hiểm, không gian thông tầng, các căn Shopoffice, bán hàng, nhà vệ sinh chung.

- Tầng 3: Diện tích 4.232 m² - bố trí khu vực thang máy, thang thoát hiểm, không gian thông tầng, các căn Shopoffice, bán hàng, nhà vệ sinh chung, phòng kỹ thuật điện.

- Tầng 4: Diện tích 4.137 m² - bố trí khu vực thang máy, thang thoát hiểm, không gian thông tầng, bán hàng, nhà vệ sinh chung, kỹ thuật điện.

- Tầng 5: Diện tích 4.403 m² - bố trí khu vực thang máy, thang thoát hiểm, không gian thông tầng, phòng ballroom, rạp chiếu phim, cafe, phòng ăn, kho, bếp nhà hàng, nhà vệ sinh chung.

- Tầng kỹ thuật: Diện tích 300 m² - bố trí các thiết bị liên quan đến MEP.

- Tầng 6: Diện tích 2.918 m² - bố trí khu vực thang máy, thang thoát hiểm, bếp-nhà hàng, phòng ăn vip, ăn ngoài trời, cafe, tiểu cảnh mặt nước, và một số phòng khách sạn, phòng máy phát điện.

- Tầng 7: Diện tích 2.409 m² - bố trí khu vực thang máy, thang thoát hiểm, bố trí các phòng khách sạn.

- Tầng 8-9: Diện tích 2.409 m² - bố trí khu vực thang máy, thang thoát hiểm, bố trí các phòng khách sạn.

- Tầng tum: Diện tích 689 m² - bố trí các phòng kỹ thuật bao che thiết bị công trình của tòa nhà, bể bơi ngoài trời, cafe, phòng gym.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ san ủi mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, đất đá thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 5 m³/ngày, nước thải thi công xây dựng (vệ sinh máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển) khoảng 5 m³/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt khoảng 147,4 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ san ủi mặt bằng, đào hầm; vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu, đất đá thải trong quá trình san lấp, thi công xây dựng; bụi, khí thải từ thi công các hạng mục công trình.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông; mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn từ san ủi mặt bằng, phát quang thảm thực vật khoảng 1,5 tấn; đất thải từ đào đắp xây dựng công trình khoảng 42.613,69 m³ tương đương 61.789,85 tấn; chất thải từ thi công xây dựng các công trình khoảng 509,67 tấn; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 25 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt, hoạt động kinh doanh, dịch vụ khoảng 193,83 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Dầu mỡ thải khoảng 400 lít trong cả quá trình thi công; giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, cặn sơn thải, vỏ thùng sơn thải khoảng 400kg.

- Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ: Dầu thải, giẻ lau dính dầu, dung môi, mực in, hộp mực in, mạch điện tử, bóng đèn huỳnh quang, bình ắc quy, pin thải; khối lượng khoảng 381 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

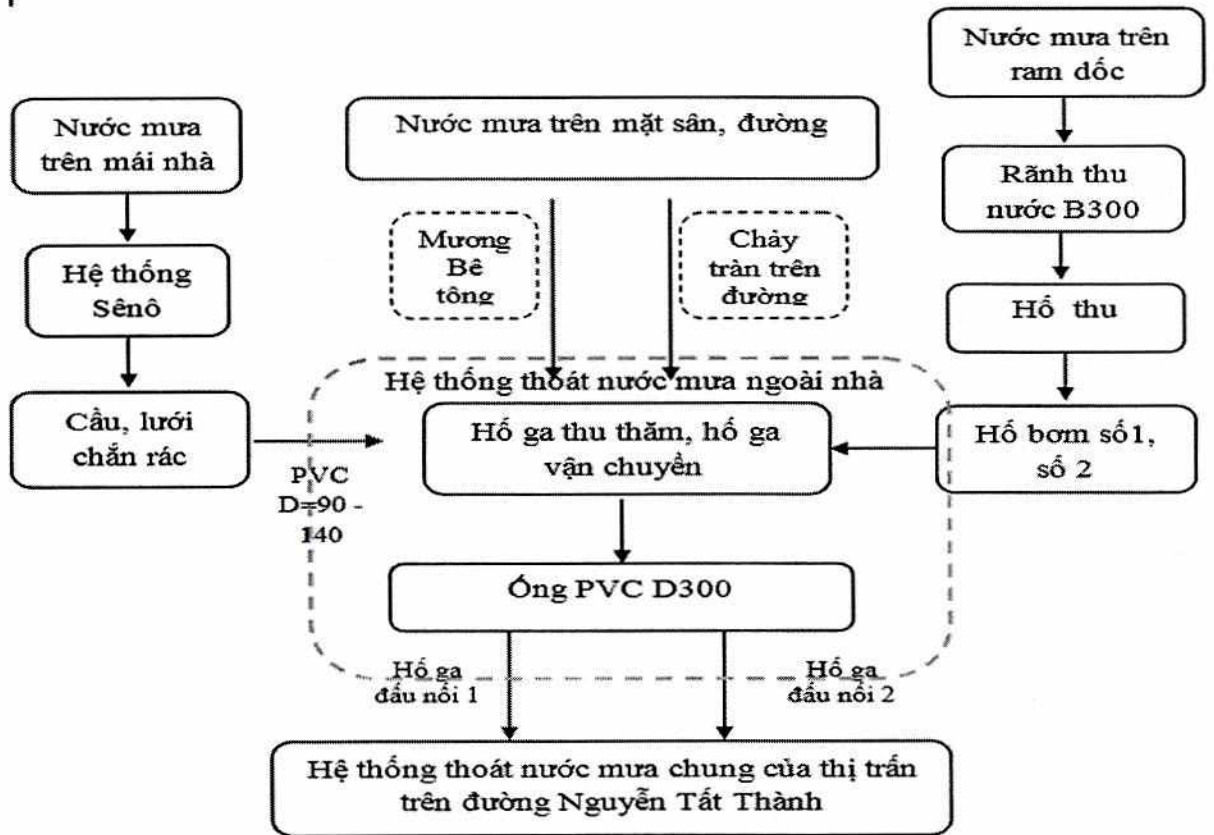
3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xử lý bằng nhà vệ sinh di động, định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Nước thải xây dựng được lắng, lọc qua bể lắng, xả ra cống thoát nước mưa của khu vực.

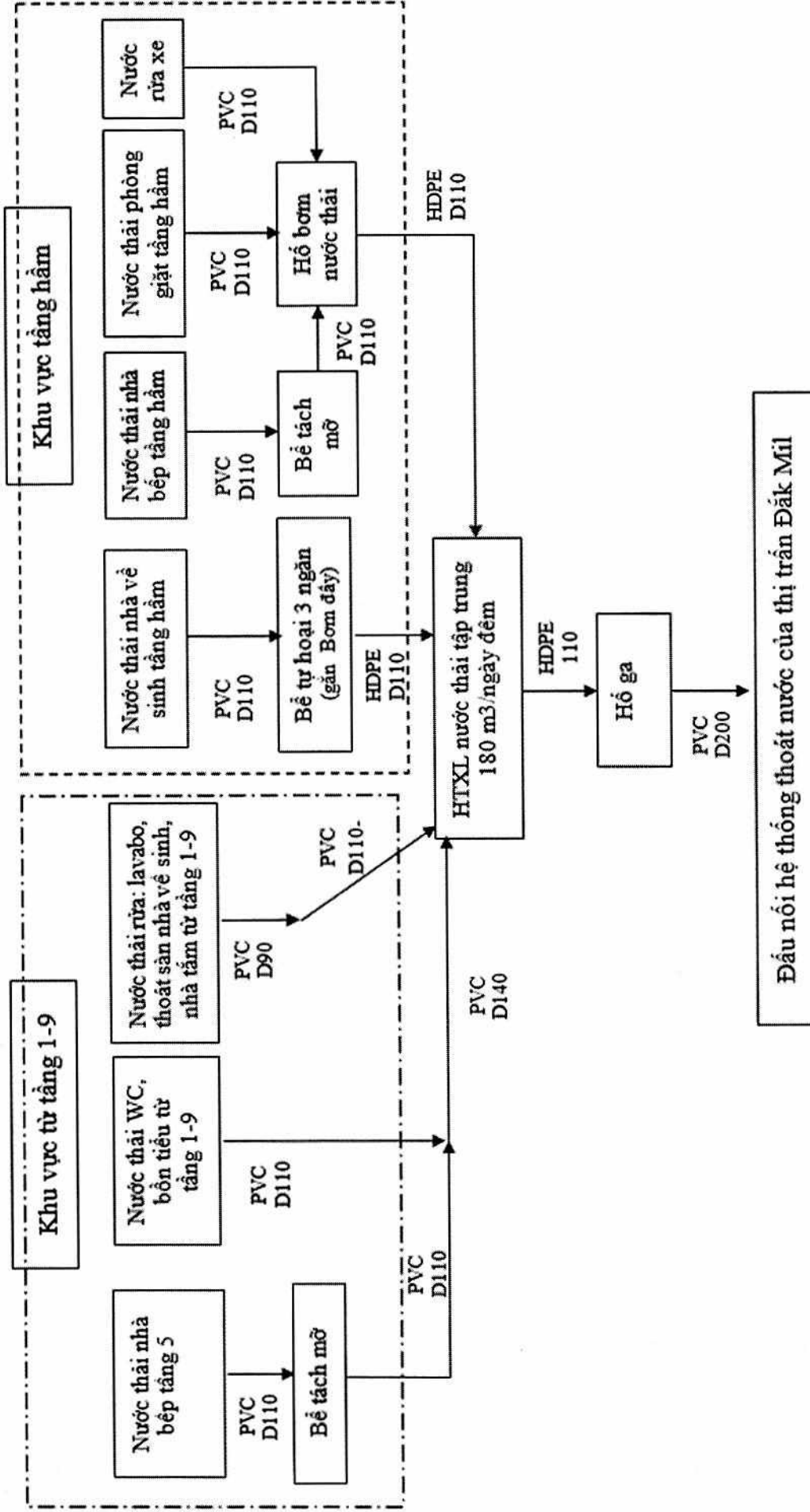
3.1.2. Giai đoạn vận hành

* Hệ thống thoát nước mưa



Quy trình thu gom tiêu thoát nước mưa tại dự án

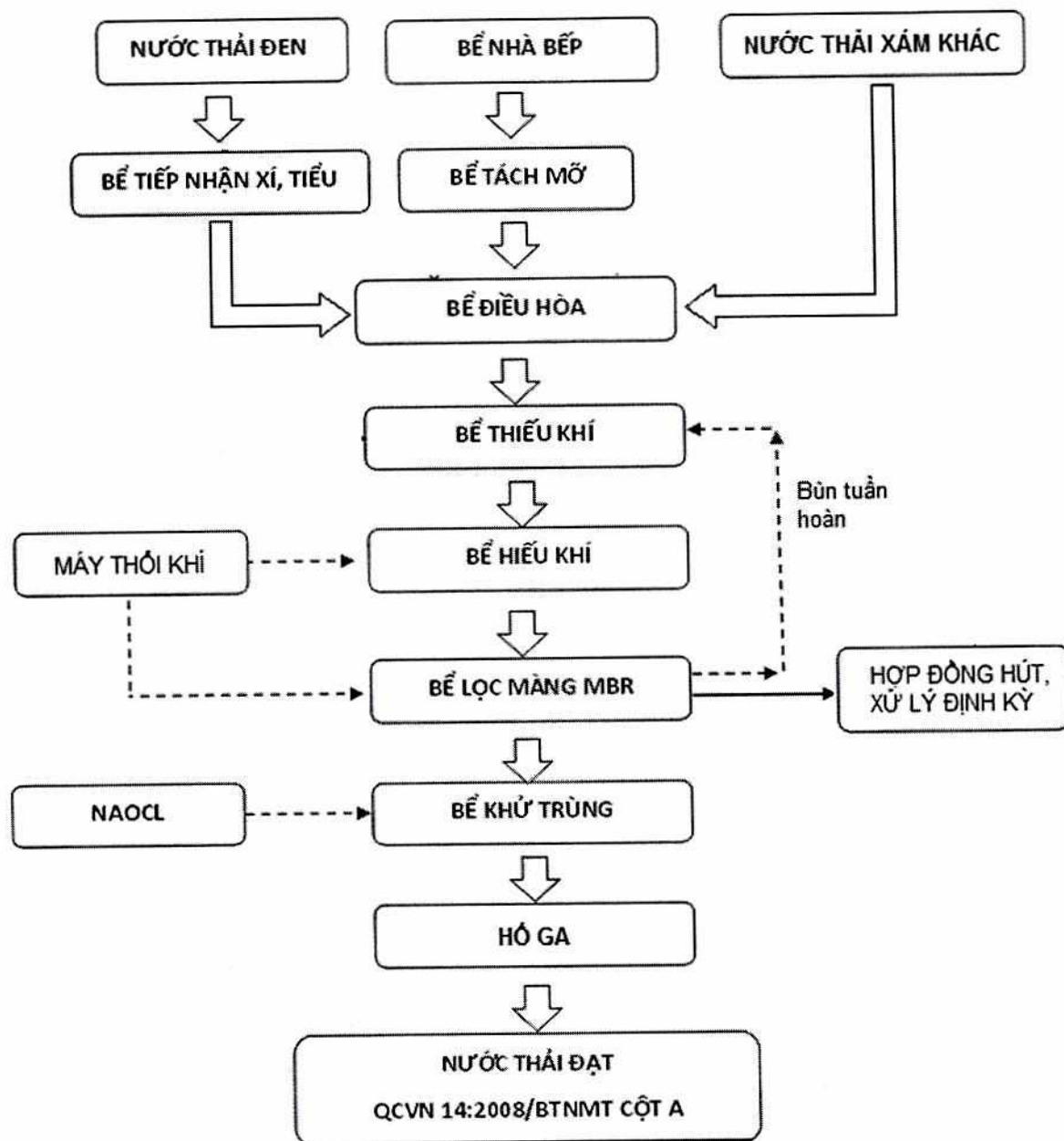
* Hệ thống thu gom và xử lý nước thải



Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước thải tại dự án

- Nước thải được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 180 m³/ngày đêm đạt QC VN 14:2008/BTNMT cột A.

Quy trình công nghệ xử lý:



Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải khu bếp tại tầng hầm chảy vào bể tách mỡ được thiết kế trong trạm xử lý nước thải trước khi sang bể điều hòa.

Nước thải khu bếp tại tầng 5 chảy qua thiết bị tách mỡ đặt trong phòng bếp; sau đó chảy về bể tách mỡ được thiết kế trong trạm xử lý nước thải trước khi sang bể điều hòa rồi tiếp tục được xử lý.

Các nguồn nước thải khác như: Nước WC, xí tiêu, nước rửa,... được chảy vào bể tự hoại 3 ngăn (bể tiếp nhận xí tiêu), nước thải được xử lý phân hủy sơ bộ tại đây rồi chảy sang bể điều hòa nước thải khu bếp tại tầng hầm, chảy vào bể tách mỡ được thiết kế trong trạm xử lý nước thải trước khi sang bể điều hòa.

Tại bể điều hòa nước thải được điều hòa cả về lưu lượng cũng như ổn định tải trọng các chất ô nhiễm, giảm mùi cho công trình. Nước thải được bơm điều hòa lên cụm bể xử lý chính sinh học thiếu khí và hiếu khí - MBR. Trong bể điều hòa bố trí 02 bơm điều hòa hoạt động luân phiên theo phao bơm nước lên cụm xử lý chính phía sau.

Tại cụm bể xử lý chính sinh học thiếu khí và hiếu khí - MBR, nước thải được tiếp tục xử lý như sau:

- Tại bể thiếu khí: Nước thải được hệ vi sinh thiếu khí trong bể khử Nitơ, phosphor (khử Nitrat có trong nước thải tuần hoàn từ bể trung gian). Sau đó, nước thải chảy qua bể hiếu khí – Aerotank. Trong bể có bố trí hệ thống máy khuấy chìm, làm khuấy trộn dòng nước cung cấp oxy, giữ mức oxy hòa tan trong nước $DO=1-2\text{mg/l}$. Tạo điều kiện cho vi sinh thiếu khí phát triển.

- Tại bể hiếu khí – aerotank: Nước thải được loại bỏ các chất hữu cơ (phần lớn ở dạng hòa tan) trong điều kiện hiếu khí (giàu oxy). Các vi sinh hiếu khí sử dụng oxy sẽ tiến hành phân hủy các chất hữu cơ tạo khí CO_2 giúp quá trình sinh trưởng, phát triển và tạo năng lượng. Ngoài việc chuyển hóa các chất hữu cơ thành CO_2 và H_2O , các vi sinh hiếu khí này cũng giúp chuyển hóa Nitơ thành Nitrat. Nước thải sau đó chảy sang bể lọc màng sinh học MBR. Trong bể bố trí hệ thống phân phối khí, cung cấp khí từ máy thổi khí, giữ mức oxy hòa tan trong nước $DO=2-4\text{mg/l}$.

- Trong bể lọc màng MBR có bố trí hệ thống modul màng lọc MBR Nhật Bản, nước thải và bùn được phân tách bởi màng lọc, nước thẩm thấu qua màng lọc tấm phẳng, được bơm hút màng bơm sang bể khử trùng. Một phần nước thải được bơm tuần hoàn lại bể thiếu khí phía trước nhằm tiến hành quá trình khử NO_3 . Bùn dư trong bể lọc màng sẽ được hợp đồng với đơn vị xử lý chất thải tại địa phương hút định kỳ và vận chuyển mang đi xử lý.

Nước sau khi lọc từ cụm xử lý chính được thu và chảy sang bể khử trùng, tại đây nước thải được trộn với hóa chất khử trùng trước khi ra nguồn tiếp nhận.

Quy mô các hạng mục công trình (kích thước: Dài x Rộng x Cao (m)): Các hạng mục trong công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung bao gồm: Bể tách mỡ (5,25 x 2 x 3,5 m); Bể tự hoại - bể tiếp nhận nước xí, tiểu (8,7 x 5,25 x 3,5 m); Bể điều hòa (5,3 x 5,25 x 3,5 m); Cụm bể xử lý chính sinh học thiếu khí và hiếu khí - MBBR: Bể Anoxic (6,95 x 4,0 x 3,5 m), bể Arotank 1 - MBBR 1 (6,95 x 4,3 x 3,5 m), bể Arotank 2 - MBBR 2 (5,5 x 4,95 x 3,5 m); Bể màng MBR (4,95 x 2,0 x 3,5 m); Bể khử trùng (7,7 x 1,8 x 3,5 m).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tổ chức xây dựng hợp lý, bao gồm cả lập phương án thi công, tiến độ thi công lựa chọn tuyến đường vận chuyển, loại phương tiện vận chuyển ...; điều tiết lượng xe, có kế hoạch vận chuyển phù hợp; phun nước trên tuyến đường giao thông nội bộ, che chắn bãi chứa vật liệu tránh phát tán bụi; kiểm soát phương tiện vận chuyển, các xe vận chuyển được che chắn,

không gây rơi vãi vật liệu, chất thải ra đường; vệ sinh khu vực thi công, khu vực lân cận giảm thiểu phát sinh bụi.

- Giai đoạn vận hành: Thường xuyên theo dõi trong việc đậu, lưu thông, phân luồng giao thông nhằm tránh ùn tắc giao thông gây ô nhiễm môi trường; xây dựng hệ thống xử lý chất thải kín tránh phát tán mùi; trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án, trên các tuyến đường nội bộ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn từ san gạt mặt bằng, đào đắp công trình được vận chuyển đổ thải tại khu đất do Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An quản lý (xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, có toạ độ X:1373955/Y:401558); thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án được thu gom, hợp đồng với đơn vị có năng lực vận chuyển, xử lý.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa rác có 2 màu xanh và trắng, thực hiện ghi chú rác thải tái chế và rác thải sinh hoạt để việc phân loại rác; tập kết vào phòng chứa chất thải thông thường đặt tại tầng hầm (diện tích 59,1 m²); Hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải sinh hoạt tại thị trấn Đắk Mil để thu gom, vận chuyển đến bãi rác của địa phương.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị có năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ tại phòng chứa chất thải nguy hại đặt tại tầng hầm (diện tích 29,2 m²) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; hợp đồng với đơn vị có năng lực để vận chuyển, xử lý.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bảo trì máy móc thiết bị; không sử dụng thiết bị có độ ồn lớn; các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt đệm cao su, lò xo chống rung.

- Giai đoạn vận hành: Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra máy móc, thiết bị; phải có phòng để máy phát điện riêng (diện tích 10,7 x 9,7 m; lớp tiêu âm dày 1m) kết cấu vững chắc, vị trí xa các khu chức năng khác; quy hoạch, bố trí các hạng mục công trình hợp lý, thiết kế thông thoáng với các tuyến đường rộng, có trồng cây xanh; lập các quy định ra vào Dự án cho phương tiện vận chuyển hàng hoá và các phương tiện đi lại của khách hàng, quy định không bấm còi to và lâu trong khu vực dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường



- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Sự cố cháy nổ: Xây dựng nội quy phòng cháy, chữa cháy; thường xuyên theo dõi, kiểm tra hệ thống các đường dây cáp điện tạm thời; trang bị các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

+ Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông: Xây dựng nội quy về an toàn lao động; có phương án điều tiết giao thông; phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về kỹ thuật an toàn lao động, đồng thời trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động. Trước khi tiến hành thi công Dự án, thực hiện quây rào bằng tôn, kín toàn bộ dự án, thường xuyên có lực lượng bảo vệ canh giữ và sửa chữa các đoạn tường rào bị hư hỏng; đảm bảo không để trẻ em, học sinh trèo rào hoặc người không có phận sự ra vào khu vực công trường.

+ Sự cố sập, sạt lở công trình: Thiết kế thi công phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; giám sát nhà thầu thi công đúng thiết kế đã được phê duyệt; lựa chọn nhà thầu thi công có năng lực, kinh nghiệm thực hiện.

- Giai đoạn vận hành:

+ Thường xuyên kiểm tra hoạt động xử lý nước thải và chất lượng nước thải sau khi xử lý của Dự án. Trường hợp nếu có một bộ phận hoặc khối bể nào bị sự cố thì thực hiện giải pháp bơm rút nước hoặc tăng thời gian lưu tại các bể tự hoại hoặc bể điều hoà để có thời gian khắc phục sự cố. Ngoài ra, nếu vì một lý do bất khả kháng không thể vận hành được trạm xử lý thì áp dụng phương án thuê đơn vị bên ngoài thực hiện hút nước thải tại dự án, mang đến các trạm xử lý nước thải vùng lân cận để hỗ trợ xử lý cho dự án trong thời gian khắc phục sự cố.

+ Bố trí các phương tiện phòng cháy, chữa cháy và kiểm tra thường xuyên để đảm bảo sự hoạt động của các phương tiện.

+ Thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm: Tham gia tập huấn, cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm cho người lao động, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; thực hiện chặt chẽ công tác kiểm dịch khi nhập thực phẩm, rau quả theo mỗi lô hàng.

+ Bố trí các biển hướng dẫn sử dụng, nhân viên giám sát tại khu vực thang máy, thang cuốn, bể bơi.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Hệ thống mạng lưới thu gom và thoát nước mưa tại Dự án.
- Hệ thống mạng lưới thu gom và thoát nước thải tại Dự án.
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 180 m³/ngày đêm đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A.
- Phòng lưu giữ chất thải rắn thông thường diện tích 59,1 m², chất thải nguy hại diện tích 29,2 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Chương trình quản lý môi trường

+ Tổ chức thi công hợp lý, hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến môi trường.

+ Yêu cầu đơn vị tham gia thi công phải có nội quy an toàn lao động, trang bị đủ phương tiện bảo hộ cho công nhân.

+ Chủ đầu tư chịu trách nhiệm chính và phối hợp với đơn vị thi công giải quyết các vấn đề về môi trường liên quan đến dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.

+ Tổ chức quản lý, giám sát các hoạt động thi công xây dựng của dự án như; hoạt động san lấp mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án, công tác vận tải,...đảm bảo an toàn môi trường trong suốt thời gian thi công.

- Chương trình giám sát môi trường

+ Giám sát chất lượng môi trường lao động và chất lượng môi trường không khí xung quanh:

Vị trí: 01 điểm trong và 03 điểm xung quanh khu vực triển khai xây dựng Dự án.

Tần suất: 6 tháng/lần.

Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, CO, NO₂, SO₂, tiếng ồn, độ rung.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

+ Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thông số giám sát: Theo dõi thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn trong quá trình thi công và chất thải nguy hại.

Vị trí giám sát: tại khu vực lán trại công nhân và khu vực thi công xây dựng.

+ Giám sát khác:

Ngoài việc giám sát các chất thải phát sinh thì chủ dự án còn giám sát an toàn sụt lún, sạt lở đất đá khi thi công công trình, giám sát tại những vị trí thi công có nguy cơ gây sạt lở để đảm bảo an toàn lao động trong suốt quá trình thi công xây dựng của dự án.

Giám sát các hoạt động thi công xây dựng của dự án, công tác vận chuyển cung cấp nguyên vật liệu, tiến độ thực hiện dự án.

5.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Chương trình quản lý môi trường

+ Bố trí 02 nhân sự phụ trách có chuyên môn về môi trường, quản lý việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường của Nhà nước cũng

như những quy định của tỉnh về công tác bảo vệ môi trường.

+ Giám sát nguồn thải và điểm thải của hệ thống xử lý nước thải.

+ Xây dựng, thiết lập kế hoạch ứng cứu sự cố môi trường.

+ Đào tạo về an toàn và môi trường cho nhân viên.

+ Theo dõi, lưu trữ kết quả các hoạt động có liên quan đến an toàn môi trường của dự án, thường xuyên xem xét, kiểm tra lại hiệu quả của kế hoạch quản lý môi trường và chỉnh sửa lại kế hoạch khi cần thiết.

- *Chương trình Giám sát môi trường*

+ Giám sát nước thải sinh hoạt

Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Coliform.

Vị trí giám sát: Vị trí hồ gas trước khi đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước.

Tọa độ: X=1377292; Y=404869.

Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, cột A.

+ Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý.

Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

Căn cứ pháp lý so sánh: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Giám sát chất thải nguy hại

Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý.

Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải nguy hại.

Căn cứ pháp lý so sánh: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Giám sát khí thải

Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi, SO₂, NO₂, CO.

Vị trí giám sát: Sau ống thải hút khói phòng đặt máy phát điện.

Tọa độ: X=1377334; Y=404863.

Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

Căn cứ pháp lý so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Giám sát khác: Ngoài công tác giám sát các chất thải phát sinh, Chủ dự án còn giám sát các công trình xử lý môi trường để có biện pháp phòng chống, khắc phục kịp thời các nguy cơ có thể xảy ra sự cố. Tần suất giám sát: Giám sát hàng ngày.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6.2. Thiết kế chi tiết các hạng mục công trình xử lý môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng; xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý chất thải của Dự án và tổ chức vận hành thử nghiệm theo quy định. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thị trấn Đắk Mil.

6.3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án; phải thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại, mùi hôi ra môi trường xung quanh; hệ thống xử lý nước thải phải có hệ thống thu gom nước mưa để tránh nước mưa chảy tràn vào các hồ xử lý nước thải gây ra sự cố môi trường.

6.4. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp, đảm bảo giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động của Dự án.

6.5. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường, bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.6. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra. *m*

ĐẮK MIL